



KARL MARX DẪN ĐẦU CUỘC NỔI DẬY CHỐNG LẠI CHỦ NGHĨA TƯ BẢN (PHẦN 2)

Nguồn: Mark Skousen (2007). "Karl Marx Leads a Revolt Against Capitalism", in M. Skousen, *The Big Three in Economics: Adam Smith, Karl Marx, And John Maynard Keynes* (New York: M.E.Sharpe), pp. 64-104 (Ch. 3).

Biên dịch: Bùi Thu Thảo | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Marx trong đời thường: Một thất bại buồn thảm

Engels đã phải chờ cho tới thế kỷ 20 trước khi những tác động của Marx có ảnh hưởng. Năm 1883, nó mới chỉ là sự hoang tưởng tự đại. Tại thời điểm ông qua đời, Marx gần như là một người bị lãng quên. Chỉ có chưa đến hai mươi người tới dự đám tang của ông. Ông đã không nhận được sự tiếc thương từ những người công nhân thợ mỏ ở Siberia, như Engels từng nói, chỉ một số ít người còn nhớ *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, chứ chưa nói đến gì đến *Tư bản*. John Stuart Mill còn chưa từng nghe nói về ông. Vào lúc cuối đời, có thể Marx đã nhớ lại với sự đồng tình những lời trong Kinh thánh, "Vì di chúc chỉ có hiệu lực khi người ta chết đi, nên nó chẳng có hiệu lực gì khi người ấy còn sống" (Heb. 9: 17).

Số phận gia đình ông thật đáng buồn khi nghĩ tới. Nó là một cơn ác mộng. Trước khi qua đời Marx chỉ có hai người con gái và một người con trai ngoài giá thú. Năm 1898, Eleanor Marx con gái của ông, được biết đến với tên Tussy và là một nhà cách mạng có tư chất mạnh mẽ giống cha, đã tự vẫn sau khi biết tin Freddy là con trai ngoài giá thú của cha bà, và người chồng, nhà cách mạng người Ireland đầy hoài nghi của bà, đã có một người vợ nữa. Năm 1911, người con gái còn sống của Marx, Laura, một diễn giả hùng hồn với nhan sắc nổi bật cũng đã tự sát cùng chồng là một nhà xã hội người Pháp. Tóm lại, có rất ít tin vui trong những năm cuối đời

của Marx và Jenny Marx cũng như con cháu của họ. Engels, còn được gọi là “Tướng quân” (General), đã chết vì ung thư vào năm 1895.

Mô hình của Marx về sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản

Giờ hãy cùng nhìn lại những đóng góp của Marx đối với kinh tế học và xác định rõ những gì là tác động lâu dài và những gì đã bị loại bỏ.

Trong tác phẩm *Tư bản*, xuất bản năm 1867, Karl Marx đã cố gắng giới thiệu một mô hình thay thế mô hình kinh tế học cổ điển của Adam Smith. Hệ thống này đã thông qua những định luật “khoa học” bất biến để chứng minh rằng chế độ tư bản chủ nghĩa có những chỗ hỏng chết người, chỉ làm lợi cho những nhà tư bản và doanh nghiệp lớn, rằng nó bóc lột công nhân, lao động bị hạ cấp chỉ như một thứ hàng hóa có giá cả mà không có linh hồn, và rằng nó luôn có xu hướng khủng hoảng khiến cho chủ nghĩa tư bản chắc hẳn sẽ tự diệt vong. Theo nhiều cách, mô hình của chủ nghĩa Marx đã hợp lý hóa niềm tin của nhà tạo lập ra nó rằng chế độ tư bản chủ nghĩa phải bị lật đổ và thay thế bởi chủ nghĩa cộng sản.

Thuyết giá trị lao động

Marx đã phát hiện ra rằng hệ thống của Ricardo phù hợp hoàn toàn với mô hình bóc lột của ông. Bằng nhiều cách, David Ricardo chính là người dẫn dắt Marx trong kinh tế học. Như đã đề cập trong [Chương 2](#), Ricardo tập trung vào sản lượng và phương thức phân phối nó giữa các giai cấp chính – địa chủ, công nhân và tư sản. Ricardo và người nối nghiệp của ông, John Stuart Mill, đã nỗ lực phân tích nền kinh tế theo giai cấp hơn là theo hoạt động của các cá nhân.

Say và trường phái tự do kinh tế ([Chương 2](#)) đã chú trọng vào lợi ích chủ quan của các cá nhân, nhưng Marx đã chối bỏ Say và đi theo Ricardo bằng cách tập trung vào việc sản xuất của một thứ “hàng hóa” đồng nhất và cách phân phối thu nhập từ sản xuất này cho các giai cấp.

Trong hệ thống giai cấp của Ricardo, lao động đóng vai trò then chốt trong việc xác định giá trị. Đầu tiên là Ricardo và sau đó là Marx đã cho rằng lao động là yếu tố duy nhất tạo ra giá trị. Giá trị của một “hàng hóa” phải tương ứng với số giờ lao động bình quân được sử dụng để làm ra hàng hóa đó.

Học thuyết giá trị thặng dư

Nếu lao động đúng là yếu tố quyết định giá trị duy nhất thì lợi nhuận và lợi tức nằm ở đâu? Marx đã gọi lợi nhuận và lợi tức là “giá trị thặng dư”. Đó chỉ là một bước logic ngắn gọn để đi đến kết luận rằng do đó các nhà tư sản và địa chủ là những kẻ bóc lột lao động. Nếu mọi giá trị thật sự là sản phẩm của lao động thì mọi lợi nhuận mà các nhà tư bản thu được và lợi tức các địa chủ có được phải là “giá trị thặng dư”, được bòn rút bất chính từ thu nhập chân chính của giai cấp lao động.

Marx đã phát triển một công thức toán học cho học thuyết giá trị thặng dư của mình. Tỷ lệ lợi nhuận (p) hay tỷ lệ bóc lột bằng giá trị thặng dư (s) chia cho giá trị sản phẩm cuối cùng (r). Do vậy:

$$p = s/r$$

Ví dụ, giả sử nhà sản xuất quần áo thuê công nhân sản xuất váy. Nhà tư sản bán những bộ váy với giá 100USD mỗi sản phẩm, nhưng lao động chỉ có giá 70USD cho mỗi bộ váy. Do đó, tỷ lệ lợi nhuận hay tỷ lệ bóc lột sẽ là:

$$p = 30/100 = 0,3, \text{ hay } 30\%$$

Marx đã chia giá trị sản phẩm cuối cùng thành hai dạng tư bản là tư bản bất biến (C) và tư bản khả biến (V). Tư bản bất biến đại diện cho nhà máy và thiết bị. Tư bản khả biến là chi phí nhân công. Do vậy, phương trình tỷ lệ lợi nhuận được viết thành:

$$p = s/[v + c]$$

Marx cho rằng lợi nhuận và sự bóc lột được tăng lên bằng cách kéo dài ngày làm việc của công nhân, và bằng cách thuê phụ nữ và trẻ em với mức lương thấp hơn đàn ông. Hơn thế, Marx còn cho rằng, máy móc và công nghệ tiên tiến mang lại lợi ích cho nhà tư sản chứ không phải công nhân. Ví dụ, máy móc cho phép nhà tư sản thuê phụ nữ và trẻ em để vận hành. Kết quả chỉ có thể là bóc lột nhiều hơn.

Những người chỉ trích đáp trả rằng tư bản là năng suất và xứng đáng với một khoản lợi nhuận hợp lý, nhưng Marx đã phản biện lại rằng tư bản chỉ là lao động “bị đóng băng” và do đó tiền lương phải chiếm toàn bộ tiền thu được từ sản xuất. Các nhà kinh tế học cổ điển đã không có phản hồi nào đối với Marx, ít nhất là vào thời điểm ban đầu. Và vậy nên Marx đã thắng lợi bằng cách sử dụng những lập luận không thể chối cãi để “chứng minh” rằng chủ nghĩa tư bản đã gây ra sự “đấu tranh giai cấp” khốc liệt giữa công nhân, tư sản và địa chủ - và các nhà tư sản và địa chủ có một lợi thế không công bằng. Murray Rothbard nhận xét, “Khi thế kỷ 19 đã trôi qua nửa chặng đường, khiếm khuyết của kinh tế học Ricardo đã trở nên rõ rệt hơn bao giờ hết. Kinh tế học đã đi đến sự diệt vong của chính nó” (Rothbard 1980, 237).

Mãi cho đến nghiên cứu của Philip Wicksteed, một tu sĩ người Anh, và Eugen von Bohm-Bawerk, một nhà kinh tế có tầm ảnh hưởng tại Áo, Marx mới thực sự được trả lời, với sự tập trung vào vấn đề chấp nhận rủi ro và lợi ích tiên phong mà các nhà tư sản mang lại. Nhưng chủ đề này phải chờ tới Chương 4.

Lợi nhuận giảm dần và sự tích lũy tư bản

Marx có một quan điểm bảo thủ về máy móc và công nghệ. Sự tích lũy tư bản không ngừng tăng lên nhằm đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và làm cho chi phí nhân công giảm. Marx từng phát biểu trong *Tư bản* rằng, “Tích lũy, tích lũy! Đó là Moses và các nhà tiên tri!... Vì vậy, tiết kiệm, tiết kiệm, cụ thể là tái biến đổi phần lớn nhất có thể của giá trị thặng dư, hay sản phẩm thặng dư thành tư bản!” (1976 [1867], 742).

Nhưng điều này đã dẫn tới rắc rối, một cuộc khủng hoảng trong chủ nghĩa tư bản, tất cả là do “quy luật lợi suất giảm dần.” Bởi theo công thức về lợi suất của Marx, $s/[v + c]$, chúng ta có thể thấy rằng tăng thêm máy móc sẽ làm tăng c và do vậy làm giảm lợi nhuận. Các công ty lớn trở nên tập trung hơn bởi các doanh nghiệp lớn hơn sản xuất rẻ hơn, điều “luôn luôn dẫn tới sự phá sản của nhiều nhà tư bản nhỏ.” Trong khi đó, tất cả công nhân trở nên cực khổ hơn, ngày càng có ít tiền hơn để mua hàng hóa tiêu dùng. Ngày càng nhiều công nhân bị đuổi việc, gia tăng thất nghiệp trong một “đội quân dự bị công nghiệp” vốn chỉ kiếm được một mức lương vừa đủ sống.

Khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản

Chi phí hạ, lợi nhuận giảm, sức mạnh độc quyền, tiêu dùng dưới mức, thất nghiệp hàng loạt của giai cấp vô sản – tất cả những điều kiện này dẫn tới “những cuộc khủng hoảng nghiêm trọng hơn và trên phạm vi rộng hơn” và sự suy thoái của của chế độ tư bản chủ nghĩa (Marx và Engels 1964 [1848], 13). Và tất cả những điều này bắt nguồn từ thuyết giá trị về lao động!

Marx đã chối bỏ định luật về thị trường của Say, thứ bị ông gán cái tên là “tiếng bập bẹ trẻ con... lời bốc phét... trò bịp bợm” (Buchholz 1999, 133). Không hề có sự ổn định trong chủ nghĩa tư bản, không có xu hướng hướng tới trạng thái cân bằng và toàn dụng lao động. Marx đã nhấn mạnh bản chất của cả sự bùng nổ và sụp đổ của chế độ tư bản chủ nghĩa, và rằng sự cáo chung sau cùng của nó là điều tất yếu.

Chủ nghĩa đế quốc của chủ nghĩa tư bản tiên tậ

Marx bị ấn tượng mạnh mẽ bởi năng lực của các nhà tư bản trong việc tích lũy vốn và tạo ra các thị trường mới, cả ở trong và ngoài nước. *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* đã mô tả hiện tượng này trong một trích đoạn nổi tiếng: "Giai cấp tư sản, trong suốt thời kỳ thống trị hiếm hoi một trăm năm của mình, đã tạo ra lực lượng sản xuất đồ sộ và khổng lồ hơn tất cả các thời kỳ trước gộp lại." Các nhà tư bản luôn bị gắn với sự hỗn độn "bởi sự xâm chiếm các thị trường mới, và bởi sự bóc lột ngày càng triệt để các thị trường đã có" (Marx và Engels 1964 [1848], 12-13).

Sau đó các nhà Marxist luôn mô tả chủ nghĩa tư bản và các công ty lớn là những "tên đế quốc" cố hữu, bóc lột công nhân nước ngoài và khai thác cạn kiệt các nguồn tài nguyên của nước họ. Học thuyết về chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân được phát triển chủ yếu bởi J.A. Hobson và V.I. Lenin. Rất nhiều trong số những thái độ chống Mỹ và bài ngoại của các nước đang phát triển trong suốt thế kỉ 20 có nguồn gốc từ chủ nghĩa Marx, và kết quả của quan điểm chống tư bản này đã và đang tàn phá, dẫn tới sự tăng trưởng chậm và thậm chí là âm tại rất nhiều khu vực của châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử

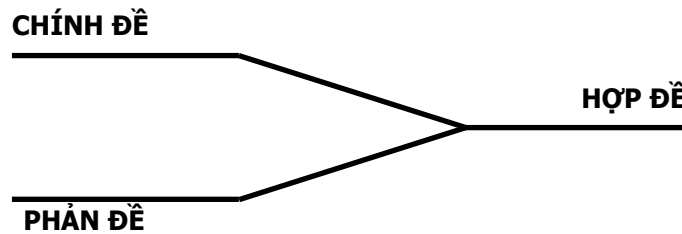
Vậy chủ nghĩa tư bản tiến về đâu? Marx bị ảnh hưởng sâu sắc bởi George Wilhelm Hegel trong việc phát triển tiến trình quyết định luận kinh tế của mình. Chính đề cơ bản của Hegel là "Mâu thuẫn (về bản chất) là gốc rễ của mọi sự vận động và sự sống." Hegel đã mô tả mâu thuẫn này theo phép biện chứng, các lực lượng chống đối nhau cuối cùng sẽ tạo ra một lực lượng mới. Một "chính đề" được hình thành sẽ tạo ra một "phản đề" phát triển theo hướng ngược lại, đến lượt nó rồi cuộc sẽ tạo ra một "hợp đề" mới. Hợp đề này sau đó trở thành một "chính đề" và quá trình lại lặp lại theo sự tiến bộ của văn minh.

Biểu đồ trong Hình 3.1 phản ánh phép biện chứng trên của Hegel. Marx đã áp dụng phép biện chứng của Hegel vào quan điểm quyết định luận về lịch sử của mình. Do vậy, tiến trình lịch sử có thể được mô tả bằng cách sử dụng khái niệm của Hegel – từ chế độ chiếm hữu nô lệ tới chủ nghĩa tư bản rồi đến chủ nghĩa cộng sản.

Theo thuyết này, nô lệ được xem như phương tiện sản xuất chính hay một chính đề trong suốt thời kì Hy - La. Chế độ phong kiến đã trở thành phản đề chính của nó trong thời Trung Cổ. Hợp đề đã trở thành chủ nghĩa tư bản, điều trở thành chính đề mới sau thời đại Khai sáng. Nhưng chủ nghĩa tư bản đã phải đối mặt với phản đề của chính nó – mối đe dọa tăng lên từ chủ nghĩa xã hội. Sau cùng, cuộc đấu tranh này sẽ dẫn tới hệ thống sản xuất tối hậu, chủ nghĩa cộng sản. Với cách

lập luận này, Marx luôn là một người lạc quan. Ông tin chắc rằng mọi quá trình lịch sử đều hướng tới các hình thái xã hội cao hơn, đỉnh cao là chủ nghĩa cộng sản.

Hình 3.1 **Phép biện chứng của Hegel được sử dụng để mô tả tiến trình lịch sử**



Giải pháp của Marx: Chủ nghĩa xã hội cách mạng

Nhưng trong khi chủ nghĩa cộng sản được cho là điều tất yếu thì Marx lại thấy rằng cách mạng là cần thiết để đạt được nó. Đầu tiên và trên hết, Marx là người đề xuất dùng bạo lực (“mạnh mẽ”) để lật đổ chính quyền và thiết lập chủ nghĩa xã hội cách mạng. Ông thích thú với bạo lực. Marx đã thôi thúc cách mạng diễn ra trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* năm 1848, Quốc tế thứ nhất năm 1860 và tại Công xã Paris năm 1871. Dù nhà cách mạng Đức đã không tiết lộ cụ thể kế hoạch của ông nhưng *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* mang một cương lĩnh gồm mười điều sau (Marx và Engels 1964 [1848], 40):

1. Xóa bỏ sở hữu (tư nhân) đối với đất đai và đưa toàn bộ đất đai phục vụ cho mục đích công.
2. Thuế thu nhập theo mức hoặc lũy tiến bậc cao.
3. Xóa bỏ mọi quyền thừa kế.
4. Tịch thu tài sản của toàn bộ người di dân và phiến loạn.
5. Tập trung tín dụng trong tay nhà nước bằng một ngân hàng quốc gia với vốn nhà nước và độc quyền duy nhất.
6. Tập trung các phương thức truyền thông và vận tải trong tay nhà nước.
7. Mở rộng các nhà máy và công cụ sản xuất thuộc sở hữu nhà nước; khai hoang đất trống và cải tạo đất nói chung phù hợp với kế hoạch chung.
8. Nghĩa vụ lao động ngang nhau đối với tất cả mọi người. Thành lập các đội quân ngành, đặc biệt là trong nông nghiệp.

9. Kết hợp nông nghiệp với các ngành sản xuất; từng bước xóa bỏ sự phân hóa giữa thành thị và nông thôn bằng sự phân bố dân số đồng đều hơn trên cả nước.
10. Giáo dục miễn phí cho toàn bộ trẻ em tại các trường công. Xóa bỏ việc sử dụng lao động trẻ em trong các nhà máy hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất công nghiệp, v.v...

Thật khó mà tưởng tượng việc thúc đẩy một vài trong số các biện pháp trên mà không cần đến bạo lực. Nhưng chưa dừng lại ở đó. Marx cũng tán thành “nền chuyên chính vô sản” độc tài. Ông ủng hộ việc xóa bỏ hoàn toàn sở hữu tư nhân, dựa trên học thuyết của ông cho rằng sở hữu tư nhân là căn nguyên của xung đột, đấu tranh giai cấp và là một hình thái nô lệ (1964 [1848], 27). Ông đồng tình với Proudhon cho rằng “sở hữu là trộm cắp.” Không có sở hữu tư nhân sẽ không cần tới trao đổi, không có mua bán, và do đó Marx và Engels tán thành việc triệt tiêu tiền tệ (30). Sản xuất và tiêu dùng sẽ tiếp diễn và thậm chí là phát triển thịnh vượng thông qua kế hoạch tập trung mà không cần trao đổi hay tiền tệ.

Marx và Engels cũng yêu cầu xóa bỏ gia đình truyền thống trong một nỗ lực nhằm “ngăn chặn hiện tượng cha mẹ bóc lột con cái” và “hình thành một cộng đồng phụ nữ.” Những người sáng lập chủ nghĩa cộng sản ủng hộ một chương trình giáo dục giới trẻ vốn sẽ “phá hủy những mối quan hệ tôn kính nhất” và “thay thế giáo dục gia đình bởi giáo dục xã hội” (33 – 35).

Vậy còn tôn giáo thì sao? Marx cho rằng “tôn giáo là thứ thuốc phiện của con người.” “Chủ nghĩa cộng sản thủ tiêu những chân lý bất diệt, nó thủ tiêu mọi tôn giáo và đạo lý thay vì cấu thành chúng theo một nền tảng mới; do vậy, nó đi ngược lại toàn bộ kinh nghiệm lịch sử trước đây” (38).

Marx đã đoán trước rằng chủ nghĩa xã hội cách mạng sẽ lần đầu tiên cho phép con người có sự biểu đạt đầy đủ về sự tồn tại và hạnh phúc. Mục tiêu “vạn vật giàu có” mà Adam Smith theo đuổi cuối cùng sẽ đạt được dưới chế độ chủ nghĩa cộng sản đích thực. Trong tâm can, Marx là một con người theo đuổi hòa bình, thịnh vượng phổ quát. Thiên đường có để đạt được trên cõi trần. Rốt cuộc nền chuyên chính vô sản sẽ được thay thế bởi một xã hội không giai cấp, không nhà nước. Con người của chủ nghĩa Marx sẽ là một con người mới!

Lời tiên tri của Marx không thành hiện thực

Nhưng tất cả điều này đã không xảy ra. Lời tiên tri của Marx đã bị sai lệch, dù không phải là ngay lập tức. Đến tận năm 1937, Wassily Leontief, một người Nga lưu vong mà sau này đã đạt giải Nobel cho phân tích đầu vào – đầu ra (input - output

analysis), đã tuyên bố rằng ghi chép của Marx là “ấn tượng” và “chính xác” (Leontief 1938, 5, 8). Nhưng lời ngợi ca của Leontief đã quá vội vàng. Kể từ đó, như Leszek Kolakowski, cựu lãnh đạo của Đảng Cộng sản Ba Lan đã tuyên bố, “Tất cả những lời tiên tri quan trọng của Marx hóa ra đều sai lầm” (Denby 1996, 339). Một số vấn đề cần xem xét lại:

1. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, tỷ lệ lợi nhuận không hề giảm, ngay cả khi ngày càng nhiều vốn được tích lũy qua hàng thế kỷ.
2. Giai cấp lao động không hề rơi vào cảnh ngày càng bần cùng. Mức lương về căn bản đã tăng hơn mức đủ sống. Mức sống trung bình của công nhân tăng dần tại các nước công nghiệp. Tầng lớp trung lưu không hề biến mất mà còn tăng lên. Như Paul Samuelson kết luận, “Sự bần cùng hóa của giai cấp lao động... chỉ đơn giản là chẳng bao giờ diễn ra. Là một nhà triết tri, Marx đã vô cùng không may mắn và hệ thống của ông cũng chẳng đem lại kết quả gì” (1967, 622).
3. Có rất ít bằng chứng về sự tập trung công nghiệp tăng lên trong các xã hội tư bản tiên tiến, đặc biệt là khi có sự cạnh tranh toàn cầu.
4. Các xã hội xã hội chủ nghĩa không tưởng không hề nảy nở, và cũng không có cuộc cách mạng vô sản tất yếu nào xảy ra.
5. Bất chấp các chu kỳ kinh doanh và thậm chí đôi khi xảy ra các cuộc suy thoái lớn, chủ nghĩa tư bản dường như vẫn phát triển rực rỡ hơn bao giờ hết.

Cập nhật: Những nhà Marxist là những nhà tiên tri dự báo ngày tận thế thời hiện đại

Trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Marx và Engels đã cảnh báo, “Chỉ cần đề cập là đã đủ rằng các cuộc khủng hoảng thương nghiệp diễn ra theo chu kỳ đã thử thách sự tồn tại của toàn bộ xã hội tư sản, mỗi lần một đe dọa hơn” (1964 [1848], 11 – 12).

Theo chân người lãnh đạo của mình, các nhà Marxist hiện đại tiếp tục dự đoán sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản, để rồi bị bác bỏ, cứ lặp đi lặp lại như vậy. Năm 1976, vào giữa cuộc khủng hoảng năng lượng và sự suy thoái do lạm phát, nhà xã hội Michael Harrington đã xuất bản cuốn sách với tựa đề *Buổi hoàng hôn của chủ nghĩa tư bản* (The Twilight of Capitalism) để dành tặng Karl Marx. Ông đã dự đoán rằng cuộc khủng hoảng vào những năm 1970 sẽ là cái kết của chủ nghĩa tư bản.

Cũng trong năm đó, nhà Marxist Ernest Mandel đã viết lời tựa cho tác phẩm *Tư bản*, tuyên bố hùng hồn rằng “Chủ nghĩa tư bản sẽ chẳng thể tồn tại qua nửa

thế kỷ nữa với các cuộc khủng hoảng (quân sự, chính trị, xã hội, tiền tệ, văn hóa) diễn ra không ngừng suốt từ năm 1914” (Mandel 1976 [1867], 86).

Paul M. Sweezy, giáo sư Marxist tại đại học Harvard, là một người bi quan lâu năm. Từ những năm 1930, ông đã dự đoán rằng chủ nghĩa tư bản đang suy yếu, và rằng chủ nghĩa xã hội, vốn giúp nâng mức sống lên cao hơn, sẽ tiến lên nhanh chóng (Sweezy 1942, 362). Ông là đồng tác giả của một cuốn sách với tiêu đề *Cái kết của sự phồn vinh* (The End of Prosperity) in năm 1977.

Tuy nhiên, sang thế kỷ mới, chủ nghĩa tư bản thậm chí còn năng động hơn bao giờ hết. Các nhà Marxist hiện đại, luôn là những người bi quan, một lần nữa lại bị chứng tỏ là đã sai lầm.

Trường hợp kì lạ của Nikolai Kondratieff

Một nhà kinh tế nổi tiếng người Nga đã phủ nhận dự đoán của các nhà Marxist về cái kết tất yếu của chủ nghĩa tư bản là Nikolai Kondratieff (1892 – 1938). Năm 1926, ông đã gửi một bài luận văn tới Viện Kinh tế có uy tín ở Moscow, đưa ra trường hợp về một chu kỳ kinh doanh 50 – 60 năm. Dựa trên các xu hướng về giá và sản lượng từ những năm 1780, Kondratieff đã mô tả các chu kỳ “sóng dài” 2,5 lên xuống của sự thịnh vượng và suy thoái. Kondratieff không tìm ra bằng chứng về sự sụp đổ tất yếu của chủ nghĩa tư bản mà thay vào đó lại là một sự hồi phục mạnh mẽ tiếp sau suy thoái.

Năm 1928, Kondratieff đã bị cách chức khỏi vị trí đứng đầu Viện Điều kiện Kinh doanh của Moscow và chính đề của ông đã bị phản bác trong cuốn Bách khoa toàn thư Liên Xô chính thức (Solomou 1987, 60). Ông nhanh chóng bị bắt giữ vì bị cáo buộc là lãnh đạo của Đảng Nông dân Lao động vốn thực tế không hề tồn tại và bị trục xuất tới Siberia vào năm 1930. Ngày 17 tháng 10 năm 1938, trong suốt giai đoạn thanh trừng diện rộng dưới thời Stalin, ông bị xét xử lần thứ hai và bị kết án tù mười năm và không được quyền thư từ liên lạc với thế giới bên ngoài; tuy nhiên, Kondratieff đã bị xử bắn vào đúng ngày phán quyết được ban hành. Vào thời điểm bị giết, ông mới 46 tuổi.¹

¹ Việc Kondratieff bị hành hạ bởi chính quyền Liên Xô không có nghĩa rằng lý thuyết của ông về việc chủ nghĩa tư bản tự động trải qua chu kỳ 50 – 60 năm là đúng. Niềm tin vào thứ gọi là chu kỳ sóng dài Kondratieff vẫn tồn tại trong một số nhà kinh tế, nhà sử học và nhà phân tích tài chính, những người thường dự đoán một cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế khác. Tuy nhiên, giờ đã gần 80 năm kể từ cuộc suy thoái toàn cầu cuối cùng. Như Victor Zarnowitz kết luận mới đây, “Có nhiều ý kiến không tán thành về sự tồn tại thực sự của một vài sóng dài thậm chí cả ở những người ủng hộ khái niệm này, và càng nhiều quan điểm bất đồng về thời điểm của sóng và các giai đoạn của chúng” (Zarnowitz 1992, 238).

Những phê phán đối với Marx

Tại sao Marx lại sai lầm tệ hại sau khi thiết lập thứ ông gọi là định luật “khoa học” của kinh tế học?

Trước tiên, thuyết giá trị về lao động của ông có những khiếm khuyết. Khi bác bỏ quy luật về thị trường của Say, ông cũng đã phủ nhận thuyết giá trị có căn cứ của Say. Say đã nói đúng rằng giá trị của hàng hóa và dịch vụ rất cuộc sẽ được xác định bằng lợi ích. Nếu các cá nhân không có nhu cầu hoặc không cần tới một sản phẩm thì không cần biết có bao nhiêu lao động và nỗ lực được đặt vào đó, sản phẩm đó vẫn là không có giá trị.

Nhà sử học Jacques Barzum cho rằng “Ngọc trai không phải có giá trị vì con người lặn tìm nó mà con người lặn tìm ngọc trai vì nó có giá trị” (Barzum 1958, 152). Và Philip Wicksteed, người viết bài phê bình khoa học đầu tiên về thuyết giá trị của Marx vào năm 1884, đã nhận định “Một cái áo choàng không đáng giá 8 lần so với một cái mũ bởi thời gian làm ra nó lâu gấp 8 lần... Mà mọi người sẵn sàng dành 8 lần thời gian để làm ra một chiếc áo choàng bởi vì nó đáng giá 8 lần cái mũ” (Wicksteed 1933, vii).²

Và còn tất cả những thứ đáng giá vốn liên tục tăng giá trị ngay cả khi chúng yêu cầu rất ít hoặc không cần tới lao động, ví dụ như nghệ thuật và đất đai thì sao? Marx đã nhận ra đây là những ngoại lệ trong học thuyết của mình nhưng vẫn coi chúng không quan trọng đối với vấn đề căn bản về sức lao động.

Vấn đề chuyển đổi

Marx cũng đã phải đối mặt với một vấn đề lưỡng nan được xem là “vấn đề chuyển đổi”, vấn đề về tỷ suất lợi nhuận và giá trị. Một xung đột nổi lên dưới hệ thống của Marx do có một số ngành cần nhiều nhân công và các ngành khác lại cần nhiều vốn. (Trong ngôn ngữ Marxist, chúng có kết cấu hữu cơ về tư bản cao hơn.) Trong tập 1 của tác phẩm *Tư bản*, Marx đã khẳng định rằng giá biến động hoàn toàn theo thời gian lao động, do đó kết luận rằng các ngành cần nhiều vốn sẽ ít có khả năng sinh lời hơn là các ngành cần nhiều lao động. Nhưng chúng cứ dường như lại chỉ ra khả năng sinh lời tương đương nhau ở tất cả các ngành trong dài hạn, do vốn và các khoản đầu tư có thể di chuyển từ các ngành có khả năng sinh lời thấp tới các ngành có khả năng sinh lời cao hơn. Marx không bao giờ có thể giải quyết được vấn đề hóc

² Chính bài báo này, xuất hiện trên tờ nguyệt san *Ngày nay* (Today) của các nhà xã hội chủ nghĩa vào tháng 10 năm 1884, đã thuyết phục George Bernard Shaw và Sidney Webb rằng thuyết giá trị về lao động là không thể trụ vững được và do vậy sẽ kéo toàn bộ lâu đài của chủ nghĩa Marx xuống đồng đổ nát (Lichtheim 1970, 192 – 93).

búa này, điều mà Rothbard gọi là “lỗ hổng rõ ràng nhất trong mô hình của Marx” (Rothbard 1995b, 413).

Marx đã vật lộn với vấn đề chuyển đổi này trong suốt cuộc đời của ông, hứa hẹn một câu trả lời trong các tập sắp tới của *Tư bản*. Trong lời giới thiệu về tập 2 của *Tư bản*, Engels đã trao giải thưởng cho một cuộc thi viết luận về cách giải quyết vấn đề lưỡng nan của Marx. Trong chín năm sau đó, một số lớn các nhà kinh tế học đã cố gắng giải quyết nó, nhưng lúc xuất bản tập 3 của *Tư bản*, Engels đã thông báo rằng không có ai chiến thắng³ (Rothbard 1995b, 413). Eugen Bohm-Bawerk đã công kích kịch liệt sai lầm này trong kinh tế học này của Marx; như lời của Paul Samuelson thì, “rõ ràng Bohm-Bawerk hoàn toàn đúng khi khẳng định rằng tập 3 của *Tư bản* không bao giờ có khả năng thực hiện được lời hứa giải quyết được các mâu thuẫn hư cấu” (Samuelson 1967, 620).

Vai trò thiết yếu của các nhà tư bản và các nhà doanh nghiệp

Thứ hai, Marx mắc sai lầm khi đánh giá thấp kiến thức và công việc của các nhà tư bản và nhà doanh nghiệp. Như chúng ta sẽ xem xét trong chương tới, Bohm-Bawerk, Alfred Marshall và các nhà kinh tế học vĩ đại khác đã nhận ra đóng góp khổng lồ của các nhà tư bản và nhà doanh nghiệp trong vấn đề chấp nhận rủi ro và cung cấp vốn (sự tiết kiệm) cần thiết và kỹ năng quản lý cần có để vận hành một doanh nghiệp có khả năng sinh lời.

Hiện tượng nhà tư bản-công nhân

Một trong các vấn đề lớn nhất mà chủ nghĩa Marx phải đối mặt ngày nay là sự tan rã dần các giai cấp kinh tế. Không còn có sự phân hóa rõ rệt giữa nhà tư bản và người công nhân. Ngày càng có ít hơn các công nhân chỉ đơn thuần là nhân công hay người làm công ăn lương. Họ thường là cổ đông hoặc chủ sở hữu một phần của các công ty nơi họ làm việc – nhờ vào sự phân chia lợi nhuận và kế hoạch lương hưu tại công ty nơi họ làm việc và sở hữu cổ phần. Nhiều công nhân tự làm thuê cho chính mình và là nhà tư bản bán thời gian. Ngày nay, có quá nửa các gia đình người Mỹ sở hữu cổ phiếu của các công ty giao dịch công khai. Main Street đã cùng với Wall Street tạo nên một số lớn các nhà tư bản-công nhân mới, điều đã làm suy giảm nhiều nhiệt huyết cách mạng trong các thị trường lao động.

Rốt cuộc, quan điểm của Marx về máy móc và hàng hóa vốn rất ngoan cố và phiến diện. Máy móc tiết kiệm thời gian và tiết kiệm sức lao động không đơn giản là

³ Bản tóm tắt đầy đủ về cuộc tranh luận về sự chuyển đổi giữa các nhà Marxist có thể được tìm thấy trong tài liệu của Howard và King (1989, 21 – 59).

sa thải công nhân hay giảm lương. Nó thường giúp công việc vận hành dễ dàng hơn và cho phép người công nhân tham gia vào các hoạt động sản xuất khác. Máy móc và công nghệ đã làm một việc đáng kinh ngạc khi giảm thiểu hoặc xóa bỏ sự “tách ly người lao động” mà Marx buộc tội một cách cay nghiệt. Bằng cách cắt giảm chi phí, các tiến bộ về máy móc và công nghệ đã tạo ra những nhu cầu mới và cơ hội mới để sản xuất sản phẩm. Chúng tạo thêm các việc làm, thường với mức lương cao hơn cho những người công nhân bị chúng thay thế. Như Ludwig von Mises từng khẳng định một thế kỷ sau, “chỉ có một phương thức duy nhất để tăng mức lương liên tục và vì lợi ích của tất cả những người khát khao kiếm tiền – cụ thể là thúc đẩy mức tăng lương vốn có sẵn so với mức gia tăng dân số” (Mises 1972, 89). Bằng chứng rõ ràng là năng suất lao động tăng (sản lượng trên giờ công lao động) dẫn tới mức lương cao hơn.

Để tóm lược kinh tế học Marxist, Paul Samuelson nhiều năm trước từng kết luận rằng nếu xét cho cùng thì hầu như không có gì trong kinh tế học Marxist cổ điển là có thể tồn tại được (Samuelson 1957). Và Jonathan Wolff, một giáo sư người Anh đồng tình với quan điểm của Marx, mới đây đã kết luận rằng trong khi “Marx vẫn là một nhà phê bình chủ nghĩa tư bản sắc sảo và uyên thâm nhất ngay cả cho đến bây giờ thì chúng ta dường như vẫn không thể tin vào các giải pháp của ông... các học thuyết lớn nhất của ông vẫn chưa được chứng minh” (Wolff 2002, 125 – 26).

Marx, nhà phản kinh tế?

Michael Harrington cho rằng Marx là một nhà phản kinh tế (anti-economist) sau cùng (1976, 104 – 148). Thật vậy, có thể ông đã đúng. Marx là một người lý tưởng ngây thơ vốn hết sức sai lầm trong việc cố gắng hiểu thấu đáo về vai trò của vốn, thị trường, giá cả và tiền tệ trong việc thúc đẩy sự dư thừa vật chất của loài người.

Sự mĩa mai nằm ở chỗ chính chủ nghĩa tư bản, chứ không phải chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa Marx, đã giải phóng người lao động khỏi những xiềng xích của sự nghèo khổ, độc quyền, chiến tranh và áp bức, và đạt được nhiều thành tựu hơn là sự ảo tưởng của Marx về một thời đại hoàng kim của hy vọng, hòa bình, sự dư thừa, nhàn rỗi và sự thể hiện nghệ thuật của loài người “hoàn thiện.”

Phải chăng chủ nghĩa xã hội của Marx đã có thể tạo ra sự dư thừa và đa dạng về hàng hóa và dịch vụ, công nghệ đột phá, các cơ hội việc làm mới và thời gian nhàn rỗi của ngày hôm nay? Hầu như không. Marx ngây thơ đến mức khó tin khi cho rằng chủ nghĩa xã hội không tưởng có thể đạt được sự tăng trưởng cao về mức sống cho người lao động. Ông từng viết vào những năm 1840, “trong xã hội cộng

sản... không một ai có lĩnh vực hoạt động độc tôn nhưng mỗi người có thể trở nên thành công trong bất kỳ một ngành nào họ muốn... do vậy tôi có thể làm việc này vào ngày hôm nay và một việc khác vào ngày mai, sẵn bần vào buổi sáng, câu cá vào buổi chiều và chăn nuôi gia súc vào buổi chập choạng, bình phẩm sau bữa ăn tối, đúng như khuynh hướng của tôi mà không phải trở thành thợ săn, ngư dân, người chăn cừu hay nhà phê bình” (Marx 2000, 185). Đây chỉ là một sự ngây thơ trong thập niên, một nét đặc trưng của Marx giai đoạn đầu. Chủ nghĩa lý tưởng của Marx đã đưa chúng ta trở về thời kỳ nguyên thủy, nếu không phải là man rợ, thời kỳ của sự trao đổi hàng hóa và lối sống bộ lạc mà không quan tâm tới lợi ích từ sự trao đổi hàng hóa và phân công lao động.

Vì vậy, khi chúng ta bước sang thế kỷ 21, Adam Smith – cha đẻ của chủ nghĩa tư bản - đã quay lại để đứng trước Karl Marx – cha đẻ của chủ nghĩa xã hội. Trong ấn phẩm đầu tiên của *Một trăm người có tầm ảnh hưởng lớn nhất thế giới* (1978), tác giả Michael đã đặt Marx trước Smith. Nhưng trong ấn phẩm thứ hai được viết năm 1992 sau khi chủ nghĩa cộng sản Liên Xô sụp đổ, Smith đã được chuyển lên trước Marx.

Có phải Marx đã thoái lui?

Có người cho rằng Marx từng nói “Tôi không phải một nhà Marxist” vào cuối những năm 1870 nhưng rõ ràng nó đã được đưa ra khỏi ngữ cảnh. Đôi khi ông quá tuyệt vọng về sự “sáo rỗng lý thuyết” của con rể mình là nhà xã hội Lafargue đến mức Marx từng tuyên bố rằng “Nếu đó mà là Marxist thì tôi không phải là một nhà Marxist.” Tiểu sử gia Fritz J. Raddatz kết luận, “Đó rõ ràng không nên được hiểu là một sự công khai thừa nhận sai lầm hay chuyển hướng so với học thuyết của chính ông mà ngược lại, nó nên được xem như một lời biện hộ chống lại những người xuyên tạc học thuyết đó” (Raddatz 1978, 130). Nhưng mặc dù Marx dường như đã không từ bỏ sự yêu thích cách mạng bạo lực và những học thuyết của mình thì Engels lại có vẻ đã sửa lại các quan điểm của ông trong những năm sau đó. Ông thừa nhận rằng công nhân có thể kiếm được nhiều hơn mức lương đủ sống, và các nhân tố phi kinh tế khác có thể đóng một vai trò trong xã hội và các phương thức chính trị - pháp lý có thể giúp đạt được cải cách. “Vị tướng cách mạng tiềm năng sáng chói một thời gần như đã trở thành một nhà cải cách Dân chủ Xã hội,” Robert Wesson viết (1976, 37 – 38).

Chủ nghĩa Marx còn lại gì?

Nếu các học thuyết và các dự báo kinh tế của Marx được chứng minh là không chính xác thì liệu có điều gì được vớt vát lại từ tác phẩm *Tư bản* và phần còn lại của những tác phẩm kinh tế của Marx? Quả thật là có.

Đầu tiên là vấn đề về quyết định luận kinh tế. Điều gì đã thúc đẩy xã hội – các ý niệm hay các quyền lợi bất di bất dịch? Trong “quy luật” về chủ nghĩa duy vật lịch sử của mình, Marx đã phản đối quan điểm truyền thống cho rằng tôn giáo hay bất cứ triết lý có tổ chức nào sẽ xác định văn hóa của một cộng đồng. Thay vào đó, Marx dám chắc điều ngược lại, rằng các lực lượng kinh tế hoặc vật chất của xã hội sẽ xác định “kiến trúc thượng tầng” về pháp lý, chính trị, tôn giáo và thương mại của nền văn hóa quốc gia. Trong tác phẩm *Sự nghèo đói của triết học* (*The Poverty of Philosophy*), Marx đã giải thích, “cối xay bằng tay mang đến một xã hội với chúa đất phong kiến, đầu máy hơi nước mang đến xã hội với những nhà tư bản công nghiệp” (Marx 1995, 219 – 20). Ngày nay hầu hết các nhà xã hội học đều công nhận vai trò quan trọng của lực lượng kinh tế trong xã hội.

Thứ hai là vấn đề về các giai cấp trong xã hội. Học thuyết của Marx về ý thức giai cấp và xung đột giai cấp đã thu hút được sự quan tâm của các nhà sử học và các nhà xã hội học. Những hành vi và suy nghĩ phản ánh tới mức độ nào các giá trị tư sản hoặc vô sản? Giai cấp cầm quyền đã bảo vệ và thúc đẩy lợi ích của mình thông qua các quá trình chính trị tới mức nào? Phải chăng bộ phận làm chủ và kiểm soát của cải và phương tiện sản xuất áp đảo xã hội? Phải chăng “luật pháp và chính trị là trợ thủ của tư bản công nghiệp”? Nếu đúng vậy, Wolff từng hỏi “vì sao các công đoàn lại được cho phép tồn tại? Vì sao các trường đại học lại có Khoa Nghệ thuật cũng như Khoa Kỹ thuật (và thực tế sao lại cho phép giảng dạy về chủ nghĩa Marx)? Vì sao các công ty đa quốc gia không phải lúc nào cũng chiến thắng trong các vụ kiện tụng?” (Wolff 2002, 59) Nếu nhà nước bị khống chế bởi lợi ích của chủ nghĩa tư bản thì tại sao cuộc Đại suy thoái vẫn xảy ra dù nó gây tổn hại nghiêm trọng cho họ? Karl Popper đã chế giễu lập trường “biết tuốt” của các nhà Marxist: “Một nhà Marxist không thể mở một tờ báo nào mà lại không tìm thấy ở mỗi trang các bằng chứng chứng minh cho diễn giải lịch sử của họ; không chỉ trong tin tức mà còn trong cả hình thức trình bày – điều thể hiện thành kiến giai cấp của tờ báo – và đặc biệt đương nhiên là trong cả những điều mà tờ báo không đề cập tới” (Popper 1972, 35).

Thứ ba, các nhà Marxist nhấn mạnh vào một vài vấn đề đương thời mà Marx đưa ra:

- Vấn đề về sự tách ly của công nhân và công việc đơn điệu tại nơi làm việc.

- Các vấn đề về lòng tham, gian lận và chủ nghĩa vật chất trong xã hội tư bản khát tiền.
- Các mối lo ngại về sự bất bình đẳng về tài sản, thu nhập và cơ hội.
- Các xung đột về sắc tộc, bình đẳng giới, phân biệt đối xử và môi trường.

David Denby, một nhà viết luận, người đã nghiên cứu về Marx khi thành niên tại một khóa văn học cổ điển tại trường đại học, đã phân tích một vài vấn đề hiện đại thường được đưa ra bởi các nhà Marxist ngày nay. Thứ nhất, sự tách ly (alienation). Denby khẳng định: “Sự tách lý là sự đánh mất bản ngã: Chúng ta làm việc cho người khác để đạt được các mục đích cho họ và chúng ta thường đối diện với thứ mà chúng ta sản xuất ra với một sự đứng đưng, gần như là sự kinh tởm vậy” (1996, 349). Chúng ta có thể giải quyết sự buồn tẻ và vô nghĩa trong thế giới kinh doanh của ngày nay như thế nào? Nhưng phương án thay thế là gì? Liệu một xã hội cộng sản hoặc xã hội chủ nghĩa nào đỡ buồn tẻ và vô nghĩa hơn không? Một xã hội tư bản cải thiện dần về số lượng, chất lượng và sự đa dạng của hàng hóa và dịch vụ mang lại ít sự buồn tẻ hơn cùng với một cơ hội lớn hơn cho sự tự đáp ứng bản thân, thường là do có số ngày làm việc ít hơn cho phép người lao động có thể dành thời gian cho các việc vặt ngoài việc làm của họ.

Vậy còn lòng tham thì sao? Có phải hệ thống thị trường làm cho hoạt động của con người chỉ tập trung hoàn toàn vào vật chất? Marx đã buộc tội rằng chủ nghĩa tư bản của Adam Smith đã khiến xã hội trở thành một “doanh nghiệp thương mại”, nơi mà mọi thành viên của nó đều là người bán hàng... Bạn càng ít ăn, uống, mua sách, tới nhà hát hay các trận bóng, hay tới các quán ăn, hay bạn càng ít suy nghĩ, yêu thương, tư duy, ca hát, vẽ vời, đấu kiếm, vv... thì bạn càng tiết kiệm được nhiều hơn và tài sản tích lũy của bạn lại càng lớn hơn mà không một loài sâu bọ hay sự hoen gỉ nào có thể làm hại được – đó chính là tư bản của bạn. Bạn càng ít là chính bạn, bạn càng ít thể hiện được bản thân, thì cuộc sống của bạn sẽ càng bị tách ly và sự tiết kiệm của bản thân bị tách ly của bạn càng lớn” (Fromm 1966, 144).

Các nhà Marxist hiện đại than phiền về xã hội thiên về vật chất ngày nay. Wolff cho rằng “Chúng ta đi làm để kiếm tiền và sau đó tới các cửa hàng để tiêu xài nó. Chúng ta là những con người phiến diện.” Trong cuốn sách của mình, *Những người Mỹ làm việc quá sức* (The Overworked American) (1991), một nhà kinh tế của Đại học Harvard, Juliet Schor đã nhận định rằng chủ nghĩa tư bản hiện đại, nhất là từ sau Thế chiến thứ II, đã ép những người Mỹ trở thành những kẻ nghiện làm việc.⁴ Denby viết, “Chủ nghĩa tư bản đã tạo ra sự đố kỵ và khát vọng định hình bản

⁴ Các nhà kinh tế khác đã tranh cãi về nhận định của Schor rằng người Mỹ đang làm việc quá nhiều. Xem thêm “Nghiên cứu mới cho rằng người Mỹ không hề làm việc quá sức,” (New Study Suggests

thân qua hàng hóa. Chính chủ nghĩa tư bản tại Mỹ phải chịu một phần trách nhiệm đối với sự suy đồi đạo đức” (1996, 349). Theo quan điểm này, chủ nghĩa tư bản đã đè bẹp tiềm năng của tinh thần con người bằng cách buộc chúng ra luôn nghĩ đến chuyện làm việc. Vì thế, theo Marx, thị trường trở thành một con quái vật, một “á điểm toàn cầu” (Marx 2000, 118).

Luận cứ này rất phổ biến nhưng nó đã bị phản bác bởi chính đề của Adam Smith và Montesquieu cùng những người khác, rằng văn hóa kinh doanh đang dần cản trở sự lừa đảo và lòng tham (xem [Chương 1](#)). Smith cho rằng con người không đơn giản là một cỗ máy: “Nó kiếm ra lợi nhuận đủ để có thể sống trong bất kỳ hoàn cảnh nào” (Smith 1965 [1776], 718). Chủ nghĩa tư bản cũng tạo ra các cá nhân giàu có, những người dành nhiều thời gian và nỗ lực vào các sáng kiến về tinh thần, thẩm mỹ, phi vật chất, không vụ lợi, mang lại nhiều ích lợi hơn cho xã hội. Tài sản thặng dư cá nhân được chia sẻ với các mục đích tốt đẹp, bao gồm nghệ thuật, từ thiện, sáng lập các chương trình giúp đỡ người nghèo.

Giáo sư đại học của Denby cũng đưa ra một lời chỉ trích khác của những nhà Marxist: “Trong xã hội tư sản, các mối quan hệ giữa người với người tượng trưng cho mối quan hệ giữa các hàng hóa... Nếu tiền là thứ duy nhất kết nối chúng ta thì điều gì gắn kết xã hội lại với nhau?” Sự mong mỏi có một cộng đồng trong nền kinh tế thị trường thiên về chủ nghĩa cá nhân là mối quan ngại chính. Chúng ta có đánh giá từng người bằng thu nhập và giá trị ròng của họ không? Sự theo đuổi đồng dollar toàn năng có gây ra sự phá hủy các ngôi nhà lịch sử và xây dựng các căn hộ cao tầng hay không? Có phải chủ nghĩa tư bản đang gây sức ép khiến chúng ta làm việc quá lâu và nặng nhọc đến mức chúng ta không có thời gian để phát triển các mối quan hệ ngoài công sở hay không? Denby cảnh báo, “Tại Mỹ, dường như đang có ngày càng ít thứ gắn kết chúng ta lại với nhau” (1996, 344-351).

Không có nghi ngờ gì rằng nền kinh tế thị trường với nhịp độ khẩn trương đang khiến chúng ta sống độc lập hơn khỏi cộng đồng. Sự trao đổi hàng hóa và dịch vụ thường trở thành ẩn danh và kém thân thiện. Rõ ràng, trong một xã hội công xã, chúng ta sẽ biết rõ hơn về những người hàng xóm và các người buôn bán trong khu vực của mình. Nhưng chúng ta đang từ bỏ điều gì?

Americans Aren't Overworked After All) *Wall Street Journal*, 15 tháng 9, 2005, p. D2. Nó khẳng định “Cục Thống kê lao động đã tìm ra rằng người Mỹ trên 15 tuổi ngủ trung bình 8,6 giờ một ngày và người lao động làm việc toàn thời gian ngủ trung bình 8,1 giờ. Như vậy họ làm việc nhiều hơn so với các nước châu Âu, nhưng vẫn còn thời gian cho các hoạt động khác.

Môi quan hệ tiền tệ

Ngoài các vấn đề về quyết định luân kinh tế, ý thức giai cấp và các vấn đề xã hội đương thời, tôi thấy những bài bình luận của Marx về vai trò tiến hóa của chủ nghĩa tư bản rất giá trị trong nghiên cứu của mình với như cách một nhà kinh tế tài chính. Trong Chương 3 của tác phẩm *Tư bản*, ông bắt đầu bằng cách phân tích hệ thống trao đổi hàng hóa của hai hàng hóa C và C' . Sự trao đổi diễn ra như sau:

$$C - C'$$

Khi tiền được đưa vào, mối quan hệ trở thành:

$$C - M - C'$$

Lúc này, tiền đại diện cho trung gian trao đổi của hai hàng hóa. Thông thường trong quá trình sản xuất từ hàng hóa thô tới sản phẩm cuối cùng, tiền được trao đổi vài lần. Trọng tâm của chế độ tư bản là sự sản xuất hàng hóa và dịch vụ hữu dụng, và tiền đơn giản chỉ là trung gian của sự trao đổi – một phương tiện dẫn đến mục tiêu.

Tuy nhiên, Marx đã chỉ ra rằng nhà tư bản tiền tệ rất dễ nhìn nhận thế giới khác đi và tiến gần với khái niệm "kiếm tiền" hơn là "làm ra hàng hóa và dịch vụ hữu ích." Marx mô tả cách thức kinh doanh mới này như sau:

$$M - C - M'$$

Nói theo cách khác, nhà doanh nghiệp sử dụng tiền (vốn) của anh ta để sản xuất một hàng hóa C , đến lượt nó sẽ được bán lấy nhiều tiền hơn, được M' . Bằng cách tập trung vào tiền như là sự bắt đầu và kết thúc của các hoạt động, các nhà tư bản rất dễ có cái nhìn sai về mục đích sau cuối của hoạt động kinh tế - sản xuất và trao đổi hàng hóa. Mục tiêu không còn là C , mà là M .

Cuối cùng, cơ chế thị trường đã tiến thêm một bước tới điểm mà tại đó các hàng hóa (hàng hóa và dịch vụ) không tham gia nữa. Quá trình trao đổi trở thành:

$$M - M'$$

Giai đoạn cuối cùng này phản ánh thị trường vốn hoặc thị trường tài chính, như là các thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán (cổ phiếu và trái phiếu). Cho đến lúc này, mọi thứ trở nên dễ dàng hơn để chủ nghĩa tư bản hàng hóa trở thành chủ nghĩa tư bản tài chính thuần túy, rời bỏ xa hơn cái gốc sản xuất hàng hóa của nó. Trong môi trường này, các nhà doanh nghiệp thường quên đi mục tiêu tổng thể của hệ thống kinh tế - sản xuất hàng hóa và dịch vụ hữu ích – và chỉ chú trọng vào việc "kiếm tiền", dù là thông qua cờ bạc, kỹ thuật giao dịch ngắn hạn hay đơn giản là kiếm tiền từ một tài khoản ngân hàng hoặc từ tín phiếu kho bạc. Rốt cuộc mục tiêu của việc kiếm tiền đạt được tối đa bằng cách cung cấp các hàng hóa và dịch vụ

hữu ích, nhưng đó là một bài học cần phải được học đi học lại trong thế giới thương mại.

Như vậy, chúng ta có thể thấy văn hóa tư bản có thể dẫn tới sự đánh mất về cả mục tiêu sau cuối và ý thức cộng đồng. Khuynh hướng rời bỏ mục tiêu của hoạt động kinh tế chân chính luôn thách thức các lãnh đạo kinh tế, nhà đầu tư và các công dân trong việc trở về với nền tảng ban đầu.

Tóm lại, Karl Marx không thể bị chối bỏ hoàn toàn. Học thuyết kinh tế của ông có thể đã có thiếu sót, chủ nghĩa xã hội cách mạng của ông có thể đã bị hủy diệt và chính Marx có thể đã nóng vội, nhưng những phân tích triết học về chủ nghĩa tư bản thị trường thì vẫn có những yếu tố có giá trị và đáng được quan tâm.

Cập nhật: Những nhà Marxist giữ người anh hùng của mình sống mãi

Chủ nghĩa Marx chưa bao giờ xâm nhập sâu vào kinh tế học, ngành luôn nhấn mạnh học thuyết tiên tiến và xây dựng mô hình toán kinh tế. Chỉ có một số ít nhà Marxist trong lĩnh vực này bao gồm Maurice Dobb của Đại học Cambridge, Paul Baran của Đại học Stanford và Paul Sweezy ở Đại học Havard. Sweezy (1910 – 2004) là ấn tượng hơn cả, ông là nhà kinh tế duy nhất mà tôi biết đã chuyển từ trường phái tự do kinh tế sang chủ nghĩa Marx. (Whittaker Chambers, Mark Blaug và Thomas Sowell lại đều đi theo hướng ngược lại.) Sinh ra tại thành phố New York vào năm 1910 và trở thành một giám đốc của Morgan, Paul Sweezy đã tốt nghiệp loại xuất sắc tại trường trung học tư tư thực tốt nhất là Exeter và sau đó là Đại học Havard. Thông minh, điển trai và hóm hỉnh, Sweezy đã rời đại học Havard năm 1932 với tư cách một nhà kinh tế học cổ điển, chuyển tới nghiên cứu sau đại học tại Trường Kinh tế học London (LSE), trở thành một người theo trường phái Hayek sôi nổi, sau đó bị mê hoặc bởi Harold Laski và John Maynard Keynes trong một thời gian ngắn, và cuối cùng đã chuyển sang chủ nghĩa Marx! Từ đó trở đi, Sweezy tao nhã đã dùng mọi nỗ lực để đưa chủ nghĩa Marx trở nên đáng tôn trọng trong trường đại học.

Trở về Đại học Havard với tư cách một người trợ giảng trong suốt kỳ nguyên vàng của cách mạng Keynes, ông đã kết giao với John Kenneth Galbraith, dạy kèm cho Robert Heibroner và cộng tác với Joseph Schumpeter trong tác phẩm *Chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội và dân chủ* (Capitalism, Socialism and Democracy) sắp xuất bản. Sweezy đã viết những bài báo nổi tiếng nhất của mình về đường cầu “gãy”, giúp hình thành Công đoàn của giảng viên Havard và xuất bản tác phẩm *Lý thuyết phát triển tư bản chủ nghĩa* (The Theory of Capitalist Development) (1942), mô tả vô cùng mạch lạc và hấp dẫn về chủ nghĩa Marx (mặc dù tác giả đã làm hại chính mình khi ca ngợi Stalin). Giống như Schumpeter, Sweezy đã dự đoán ở cuối sách

rằng chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ sụp đổ và chủ nghĩa xã hội sẽ “chứng minh tính ưu việt của mình trên quy mô rộng” (1942, 352 – 63).

Việc giảng dạy của ông tại đại học Havard đã bị gián đoạn khi ông tham gia Cơ quan Tình báo Chiến lược (OSS - tiền thân của Cục Tình báo Trung ương CIA) năm 1942. Sau chiến tranh, Sweezy đã suýt được bổ nhiệm làm giáo viên chính thức tại Đại học Havard, nhưng dù Schumpeter đã ủng hộ mạnh mẽ, ông vẫn bị từ chối và từ đó không bao giờ có một vị trí học thuật cố định nữa. Năm 1949, ông đồng sáng lập *Monthly Review*, “một tạp chí về chủ nghĩa xã hội độc lập,” với ấn phẩm số đầu tiên được phát hành với một tiêu đề giật gân “Tại sao lại là chủ nghĩa xã hội?” của Albert Einstein. (Bài luận của Einstein có giọng điệu của một nhà Marxist đầy mạnh mẽ.) Sweezy vẫn tiếp tục cộng tác với *Monthly Review*, đồng thời chung tay với Paul Baran viết tác phẩm *Tư bản độc quyền* (Monopoly Capital) (1966). Nhưng trong suốt sự nghiệp của mình, Sweezy được biết đến với các lập trường “cường điệu và phi thực tế” (theo cách nói của ông), điển hình là sự bênh vực của ông đối với Cuba của Fidel Castro (quốc gia hiện được Liên Hợp Quốc xếp hạng là nước vi phạm nhân quyền nghiêm trọng nhất thế giới) và việc ông luôn dự đoán về sự sụp đổ tất yếu của chủ nghĩa tư bản (1942, 363). Năm 1954, trong suốt thời kỳ McCarthy, ông đã bị giam giữ do nhất quyết từ chối trả lời các câu hỏi về “hoạt động lật đổ” ở New Hampshire; năm 1957, Tòa án tối cao đã lật ngược phán quyết.

Các khuynh hướng cấp tiến khác

Các tạp chí và các tổ chức cấp tiến khác đã xuất hiện trong suốt thời kì chiến tranh Việt Nam như tờ *Dissent* (Bất đồng) và *New Left Review* (Tạp chí tân tả), cùng Liên minh các nhà kinh tế chính trị cấp tiến, hay gọi tắt là URPE. Tất cả đều vươn tới một giai đoạn hoàng kim trong thời kì phản kháng những năm 1960 và thập niên 1970 đầy khủng hoảng. Năm 1968, một số nhà Marxist đã hội ngộ tại Đại học Michigan để thành lập Liên minh các nhà kinh tế chính trị cấp tiến và lấy những chữ cái đầu để tạo thành tên viết tắt có âm điệu gay gắt URPE. Mục tiêu của URPE là phát triển một “sự phê bình chế độ tư bản chủ nghĩa và mọi hình thức áp bức bóc lột đồng thời giúp xây dựng một chính sách xã hội tiến bộ và tạo lập các giải pháp xã hội chủ nghĩa thay thế” (theo trang web của URPE).

Tới năm 1976, Paul Samuelson đã công bố rằng có ít nhất 10% người trong nghề là các nhà kinh tế học kiểu Marxist. Mặc dù chủ nghĩa Marx có ảnh hưởng lớn hơn trong ngành xã hội học, khoa học chính trị và lý thuyết văn học nhưng một vài bộ môn kinh tế học vẫn được biết tới với chủ nghĩa cấp tiến, bao gồm Đại học Massachusetts tại Amherst, trường Nghiên cứu xã hội mới tại New York, Đại học California ở Riverside và Đại học Utah.

Sau sự sụp đổ của Liên Xô và mô hình xã hội chủ nghĩa kế hoạch hóa tập trung, sức hấp dẫn của chủ nghĩa Marx đã bị phai nhạt, ít nhất là trong khía cạnh kinh tế học. Lượng người tham dự các phiên hội thảo của URPE tại hội thảo Hiệp hội Kinh tế Hoa Kỳ thường niên cũng giảm đi và số thành viên của URPE đã giảm xuống còn khoảng 800.

Marx và các môn đồ của ông có một cái nhìn bi quan về tương lai của chủ nghĩa tư bản. Trong thế kỉ 20, những nhà Marxist thường xuyên viết về “buổi hoàng hôn của chủ nghĩa tư bản” (twilight of capitalism), một tựa sách ưa thích thời bấy giờ (William Z. Foster năm 1949, Michael Harrington năm 1977 và Boris Kagarlitsky năm 2000). Tất cả họ đều dự đoán về một sự sụp đổ tất yếu của chế độ tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, Lord Meghnad Desai, một nhà kinh tế học tại Trường Kinh tế học London mới đây đã đưa ra một chính đề gây sững sốt rằng Marx có thể đã ủng hộ sự trỗi dậy của chủ nghĩa tư bản trên khắp thế giới. *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* đã tuyên bố hùng hồn về sự tiến bộ “ngày càng gia tăng... không ngừng mở rộng... nhanh chóng” của lực lượng tư bản mạnh mẽ và năng động, vươn tới một thị trường thế giới (1964 [1848], 4). Những nhà Marxist cũ đã quá vội vàng trong những dự báo đáng sợ của mình. Nhưng điều gì sẽ xảy ra sau khi chủ nghĩa tư bản toàn cầu vận hành tiến trình của nó? Desai đã hỏi, “Liệu có bao giờ xuất hiện Chủ nghĩa xã hội sau thời kỳ của Chủ nghĩa tư bản?” (Desai 2004, 315). Một số nhà Marxist, điển hình là David Schweickart, cho rằng một vài hình thái của “dân chủ kinh tế” sẽ phát triển sau khi giai đoạn “hiện tại cuối suy đồi” của chủ nghĩa tư bản kết thúc (Schweickart 2002).

Sự thăng trầm của học thuyết giải phóng

Vào cuối những năm 1960 – 1970, một hệ tư tưởng theo khuynh hướng Marxist tại châu Mỹ Latinh, đặc biệt là các linh mục Công giáo làm việc tại các *barrio* (khu vực nói tiếng Tây Ban Nha) và các *favela* (khu ổ chuột ở Brazil), được biết đến với tên gọi “thần học giải phóng.” Trong khi chối bỏ kịch liệt chủ nghĩa vô thần và chủ nghĩa duy vật của Marx, những nhà hoạt động chính trị này đã tìm cách giải phóng người nghèo bằng cách kết hợp các học thuyết của chủ nghĩa Marx về sự bóc lột, đấu tranh giai cấp và chủ nghĩa đế quốc với thuyết thần học Thiên chúa về lòng trắc ẩn đối với những người nghèo khổ và thiệt thòi. Những cuốn sách nổi tiếng mang tựa đề *Cộng sản chủ nghĩa và Kinh thánh* (Communism and the Bible) và *Thần học về giải phóng* (Theology of Liberation), cùng được xuất bản bằng tiếng Anh bởi nhà xuất bản Orbis, một công ty con của cộng đồng giám mục Công giáo Maryknoll Fathers and Sisters. Ernesto Cardenal, vị mục sư người Nicaragua từng nói với Đức giáo hoàng John Paul II vào năm 1983 rằng: “Chúa cứu thế đã dẫn tôi đến với

Marx.” “Tôi là một nhà Marxist tin vào Thượng đế, đi theo Chúa và là một nhà cách mạng vì lợi ích của vương quốc của Người” (Novak 1991, 13).

Cha đẻ của thuyết thần học giải phóng, Gustavo Gutierrez, là một giáo sư ôn hòa trong lĩnh vực thần học, người đã viết về các công việc ông làm với người nghèo ở thành phố Lima, Peru quê hương của ông trong cuốn *Thần học về giải phóng* (1973). Gutierrez giải thích “thuyết thần học giải phóng” của ông theo quan niệm của các nhà Marxist rằng (McGovern 1980, 181 – 182):

Tôi đã khám phá ra ba điều. Tôi phát hiện ra rằng sự nghèo đói là một thứ mang tính hủy hoại, một thứ cần phải được đẩy lùi và tiêu diệt, chứ không đơn thuần chỉ là đối tượng của công tác từ thiện của chúng ta. Thứ hai, tôi khám phá ra rằng sự nghèo đói không phải là ngẫu nhiên. Thực tế rằng những người này nghèo và không giàu không chỉ là chuyện may rủi mà còn là kết quả của một cấu trúc. Nó là một vấn đề cấu trúc. Thứ ba, tôi phát hiện ra rằng sự nghèo đói là thứ cần phải được chiến đấu chống lại... Rõ ràng rằng để phục vụ cho người nghèo cần có các hành động chính trị.

Những người theo thuyết thần học Marxist chỉ trích chủ nghĩa tư bản và nhất là “đế quốc” Mỹ và các tập đoàn đa quốc gia của nó vì sự áp bức châu Mỹ Latinh. Họ thể hiện thái độ thù địch đối với sự tư hữu, thị trường và lợi nhuận như thể đó là một quy trình “bóc lột” mà những người giàu áp bức người nghèo. Và nếu có hai sự lựa chọn giữa cách mạng và dân chủ, thì cách mạng, dù là cuộc nổi dậy hung bạo, vẫn sẽ được ưa thích hơn. Các chính sách của họ bao gồm quốc hữu hóa, ác cảm với đầu tư nước ngoài và áp đặt kiểm soát giá cả và các rào cản thương mại.

Những người phê bình thuyết thần học giải phóng cho rằng những chính sách thiên về nhà nước này chỉ khiến sự nghèo nàn và bất bình đẳng càng trở nên trầm trọng tại các nước Mỹ Latinh. Michael Novak đã nhìn nhận hệ thống ở châu Mỹ Latinh khác với các nhà Marxist: “Trật tự hiện nay không phải là tự do mà dựa vào nhà nước, không đặt thị trường vào trung tâm mà lấy các tầng lớp đặc quyền làm trung tâm, không mở cửa đối với người nghèo mà lại là bảo hộ cho người giàu. Phần đông người nghèo không có tài sản. Những người nghèo bị luật pháp ngăn cản trong việc thành lập và tổ chức các doanh nghiệp của chính họ. Họ bị từ chối tiếp cận tín dụng. Họ bị kìm hãm bởi một kết cấu pháp luật cổ hủ, được tạo ra để bảo vệ những đặc quyền đặc lợi của nhóm người tiền tư bản” (Novak 1991, 5).

Vậy giải pháp của Adam Smith đối với sự nghèo đói và bất bình đẳng ở châu Mỹ Latinh là gì? Theo Novak, thách thức là tạo ra các việc làm trong khu vực tư nhân thực sự, đó là giải pháp thực tế đối với người nghèo. Ông khẳng định, các cuộc “cách mạng” “dường như chủ yếu tạo ra các quân đội khổng lồ. Các nhà hoạt động kinh tế lại tạo ra các việc làm.” Để thực sự giải phóng châu Mỹ Latinh, ông và

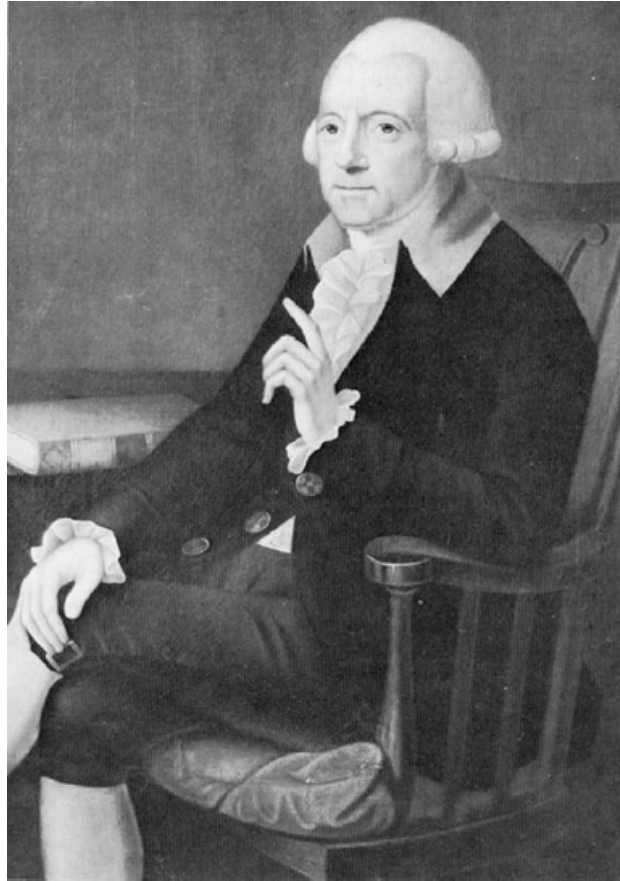
những môn đồ khác của Adam Smith ủng hộ thị trường mở, đầu tư nước ngoài, mức thuế thấp, thêm cơ hội cho sự tạo lập doanh nghiệp và sở hữu của cải đối với mọi cư dân, và sự ổn định chính trị dưới nền pháp quyền – một quốc gia “tự do, đa nguyên, liên kết xã hội, tinh thần cộng đồng, năng động, sáng tạo giống như những con hổ châu Á trong thời gian gần đây (Novak 1991, 32).⁵

Từ sau sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô và mô hình xã hội chủ nghĩa kế hoạch hóa tập trung, thuyết thần học giải phóng đã bị giảm sức nóng và hầu hết các nước châu Mỹ Latinh đã lựa chọn một nền kinh tế mở cửa hơn. Rốt cuộc, các nước Latinh đã tăng trưởng nhanh chóng và tỷ lệ nghèo khó đã giảm. Nhà xuất bản Orbis và Maryknoll Fathers and Sisters không còn xuất bản những cuốn sách về thần học giải phóng nữa.

Cuộc cách mạng tiếp theo

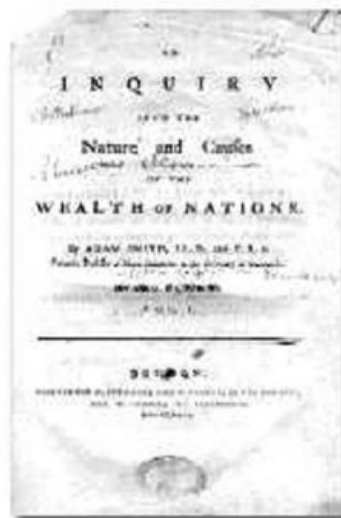
Chỉ vài năm sau kiệt tác *Tư bản* của Marx được xuất bản, một thế hệ các nhà kinh tế châu Âu mới đã xuất hiện trong hoàn cảnh đó. Những nhà kinh tế này đã sửa chữa những sai sót của Marx và các nhà kinh tế học cổ điển, đồng thời mang lại một cuộc cách mạng thường trực. Như đã nói ở trên, cách tiếp cận dựa trên chi phí sản xuất đối với lý thuyết giá cả đã đặt nền kinh tế học vào một chiếc hộp, một chiếc hộp chứa một quả bom có thể hủy diệt cả hệ thống tự do tự nhiên cổ điển. Cần phải có một cuộc cách mạng đột phá về học thuyết kinh tế để hồi sinh ngành khoa học buồn tẻ và khôi phục lại nền tảng mô hình của Adam Smith. Đó chính là chủ đề của Chương 4.

⁵ Nhà kinh tế học người Peru Hernando de Soto đã viết một số cuốn sách nổi tiếng về sự cần thiết phải cải cách kinh tế và pháp luật ở châu Mỹ Latinh và các quốc gia đang phát triển nói chung. Xem thêm Soto (2002, 2003).



Nhà kinh tế học Scotland Adam Smith (1723 – 90) là một giáo sư triết học luân lý tại đại học Glasgow từ năm 1751 tới 1763. “Tôi chẳng bao giờ ăn diện ngoại trừ trong các cuốn sách của mình”

Năm 1776, Adam Smith xuất bản một “báu vật” của kinh tế học, *Của cải của các quốc gia*. “Nó chứa đựng nhận định vững chắc quan trọng nhất trong mọi nền kinh tế học: mưu cầu tư lợi trong các điều kiện cạnh tranh.”



Ba tác giả ảnh hưởng tới “hệ thống tự do tự nhiên” của Adam Smith:



Charles Louis de Montesquieu
(1689–1755) France



David Hume
(1711–76) Scotland



Benjamin Franklin
(1706–90) United States

Những người Pháp thúc đẩy mô hình tự do kinh tế của Adam Smith...



Jean-Baptiste Say
(1767–1832)



Frédéric Bastiat
(1801–50)



Alexis de Tocqueville
(1805–59)

...trong khi những nhà kinh tế học người Anh lại đưa nó vào một con đường nguy hiểm.



Thomas Robert Malthus
(1766–1834)



David Ricardo
(1772–1823)



John Stuart Mill
(1806–73)



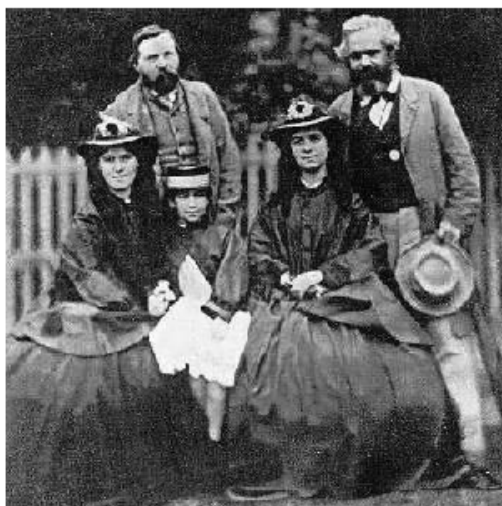
Marx, Engels cùng các nhà xã hội chủ nghĩa tại Paris vào cuối mùa hè năm 1844. Họ cho ra mắt *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* vào năm 1848.



Nhà triết học người Đức G.W.F. Hegel (1770 – 1831): lý thuyết về chu trình diệt vong và sự tái tạo tuần hoàn của ông đã tạo nền tảng cho chủ nghĩa duy vật biện chứng của Marx.



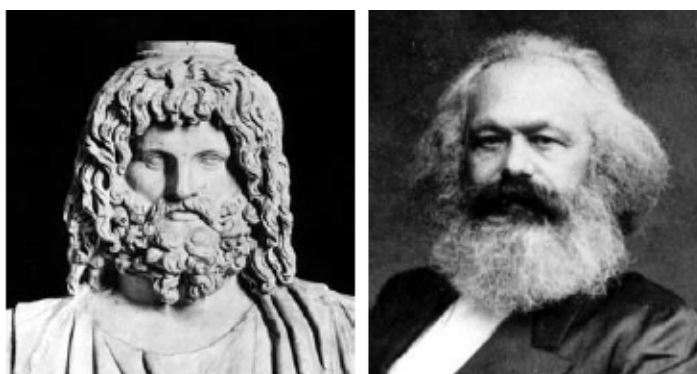
Triết gia và nhà kinh tế người Đức Karl Marx (1818 – 1883) xuất bản tập đầu tiên của *Das Kapital*, một tác phẩm có sức công phá dữ dội của ông vào năm 1867. "Sự tấn công mạnh mẽ nhất vào chủ nghĩa tư bản từng được viết."



Marx và Engels cùng hai con gái của Marx là Laura và Eleanor, năm 1864.



Tác giả thăm mộ Karl Marx tại nghĩa trang Highgate ở London: “Công nhân toàn thế giới, đoàn kết lại!”



Marx nuôi râu giống tượng thần Zeus được bạn tặng vào những năm 1860.



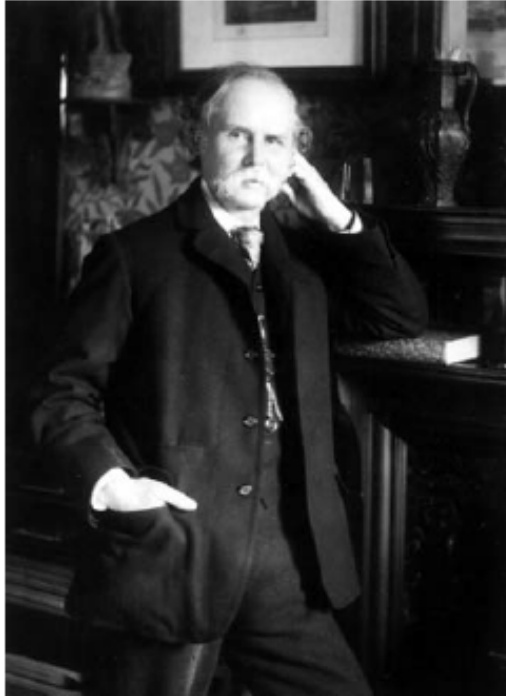
Băng rôn Trung Quốc ngợi ca những nhà sáng lập của Chủ nghĩa cộng sản: Marx và Engels, Lenin và Stalin, Mao Trạch Đông (những năm 1960)



Eugen Bohm-Bawerk (1851-1914) là nhà kinh tế học đầu tiên chỉ trích học thuyết về chủ nghĩa tư bản của Marx.



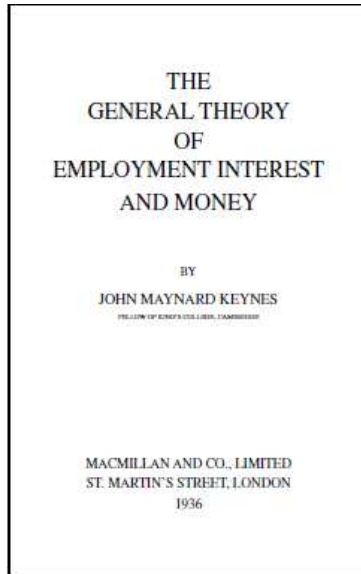
Giáo sư ĐH Columbia John Bates Clark (1847-1938) phản bác thuyết bóc lột lao động của Marx bằng lý thuyết năng suất biên của mình.



Giáo sư Đại học Cambridge Alfred Marshall (1842-1924) đã giúp đưa nền kinh tế trở thành một ngành khoa học chính thống, nghiêm ngặt.



Giáo sư Đại học Yale Irving Fisher (1867 – 1947) đã tạo ra bảng chỉ số giá cả đầu tiên và phát triển lý thuyết về lượng tiền nhưng không thể dự đoán được cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933.



John Maynard Keynes (1883–1946), British economist and statesman, published his influential *General Theory* in 1936: "I believe myself to be writing a book which will largely revolutionise the way the world thinks about economic problems."

John Maynard Keynes (1883-1946), nhà kinh tế học người Anh và là một chính khách, đã xuất bản một tác phẩm có tầm ảnh hưởng của mình là *Lý thuyết chung* vào năm 1936: "Tôi tin mình đã viết một cuốn sách mang đến một cuộc cách mạng lớn về cách mà thế giới nghĩ về các vấn đề kinh tế."



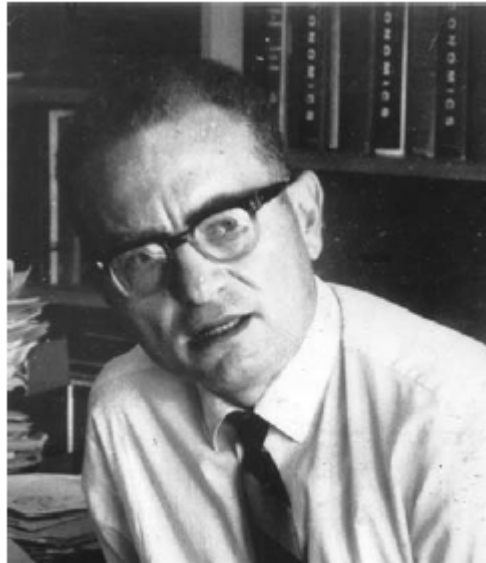
Keynes là một thiên tài về tài chính, người đưa ra các quyết định mua bán chứng khoán ngay khi vẫn ngồi trên giường vào buổi sáng.



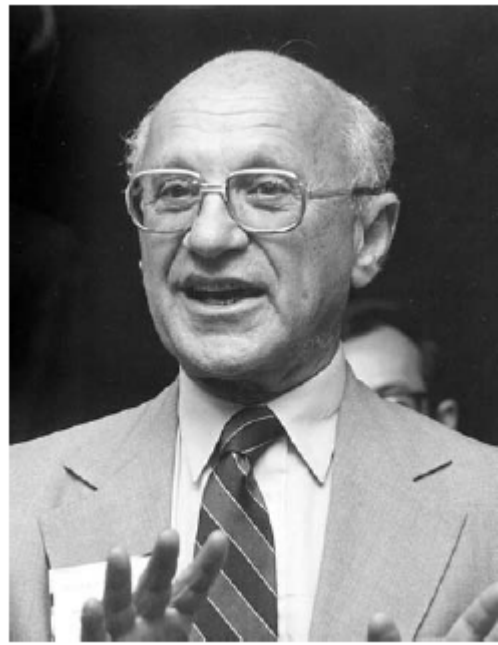
Keynes khiến những người bạn thời trai trẻ của ông bất ngờ khi cưới một vũ công ballet người Nga là Lydia Lopokova vào năm 1925.



Keynes gặp Harry Dexter White tại Bretton Woods, New Hampshire năm 1944, giúp định hình hệ thống kinh tế quốc tế hậu chiến dựa trên tỷ giá cố định và việc thành lập Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Ngân hàng Thế giới.



Giáo sư đại học MIT Paul Anthony Samuelson (1915 -) và cuốn sách nổi tiếng của ông, *Kinh tế học* (1948), đã đưa chủ nghĩa Keynes trở thành lý thuyết chuẩn trong thời kỳ hậu chiến. Samuelson là người Mỹ đầu tiên giành giải Nobel về kinh tế vào năm 1970.



Trong những năm 1970, nhà kinh tế học người Áo Friedrich von Hayek (1899 – 1992) và giáo sư Đại học Chicago Milton Friedman (1912 – 2006) đã dẫn đầu một cuộc phản cách mạng theo hướng thị trường tự do. “Nửa thế kỷ sau, Keynes đã bị lung lay và Hayek và Friedman, những người hết sức tán thành tự do thị trường đã trở nên nổi bật hơn cả.”

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đông đảo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
